

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 40/2024/HNGĐ - ST.

Ngày: 20/6/2024.

V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Luân.

2. Bà Trần Thị Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đàm Thị Thu Duy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Hồ Văn Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2024/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2024 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Quỳnh T, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Số C, khu A, thôn T, xã B, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Anh Nguyễn Quang T1, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Hiện đang chấp hành án tại: Phân trại 1, đội A, tổ B, Trại giam S, đóng tại xã P, huyện B, tỉnh Ninh Thuận.

(Các đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn ly hôn và bản tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị Quỳnh T trình bày: Chị và anh T1 xây dựng gia đình với nhau vào năm 2016, trên cơ sở

tìm hiểu tự nguyện có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống chung của vợ chồng anh chị hòa thuận hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T1 không chung thủy trong cuộc sống vợ chồng, anh T1 thường xuyên chửi bới, đánh đập chị. Vợ chồng anh chị cũng đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng tình cảm vợ chồng anh chị vẫn không cải thiện được. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng anh chị có hai con chung là cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 15/02/2016 và cháu Nguyễn Tú L, sinh ngày 28/6/2019. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh T1 phải chấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định vợ chồng anh chị không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Quang T1 trình bày: Anh và chị T xây dựng gia đình với nhau vào năm 2016. Quá trình chung sống với nhau thì vợ chồng anh chị không có mâu thuẫn gì. Nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn với anh thì anh cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng anh chị có hai con chung là cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 15/02/2016 và cháu Nguyễn Tú L, sinh ngày 28/6/2019. Khi ly hôn đối với cháu B anh đề nghị Tòa án giao cho bà Lê Thị X (mẹ đẻ anh) là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Đối với cháu L anh đề nghị Tòa án giao cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh xác định vợ chồng anh chị không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không được với lý do anh T1 có yêu cầu hòa giải vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng cũng như phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án theo hướng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Quỳnh T. Xử cho chị T và anh T1 được ly hôn. Về con

chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 15/02/2016 và cháu Nguyễn Tú L, sinh ngày 28/6/2019 cho chị T có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Anh T1, chị T xác định về tài sản chung, nợ chung vợ chồng anh chị không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, không đặt ra để xem xét, giải quyết.

Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Quỳnh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa cũng như ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Quỳnh T, anh Nguyễn Quang T1 vắng mặt tại phiên Tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt anh T1, chị T theo thủ tục chung là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T1 xây dựng gia đình với nhau vào năm 2016 trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện L, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 15/4/2016 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị T xác định mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã trầm trọng kéo dài, không còn khả năng cải thiện nên chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh T1. Chị T cho rằng cuộc sống chung của vợ chồng anh chị hòa thuận hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T1 không chung thủy trong cuộc sống vợ chồng, anh T1 thường xuyên chửi bới, đánh đập chị. Vợ chồng anh chị cũng đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng tình cảm vợ chồng anh chị vẫn không cải thiện được. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1. Qua yêu cầu ly hôn của chị T thì anh T1 cũng đồng ý ly hôn.

Xét thấy, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng anh T1, chị T bất đồng với nhau về quan điểm sống, lối sống. Vợ chồng anh chị không tin tưởng

nhau trong tình cảm vợ chồng. Do xảy ra mâu thuẫn với nhau nên vợ chồng anh chị đã tự sống ly thân. Trong thời gian sống ly thân đã lâu nhưng tình cảm vợ chồng anh chị vẫn không cải thiện được. Đồng thời qua xác minh thì được biết nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng anh chị là do bất đồng với nhau về quan điểm sống. Vì vậy, nếu kéo dài tình trạng hôn nhân như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho các bên do mâu thuẫn đã kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị **T**, xử cho chị **T** và anh **T1** được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[3] Về con chung: Chị **T**, anh **T1** xác định vợ chồng anh chị có hai con chung là cháu **Nguyễn Gia B**, sinh ngày 15/02/2016 và cháu **Nguyễn Tú L**, sinh ngày 28/6/2019. Khi ly hôn chị **T** yêu cầu được nuôi hai con chung còn anh **T1** yêu cầu giao cháu **B** cho mẹ anh là bà **Lê Thị X** là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh đồng ý giao cháu **L** cho chị **T** là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Xét thấy, hiện nay anh **T1** đang chấp hành án tại trại giam **S**. Vì vậy, anh **T1** không có điều kiện để chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Việc anh **T1** đề nghị giao cháu **B** cho mẹ anh **T1** là bà **Lê Thị X** là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu **B** là không có cơ sở để chấp nhận. Bởi lẽ theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình thì khi vợ chồng ly hôn trường hợp không thỏa thuận được người trực tiếp nuôi con thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con. Hơn nữa hiện nay chị **T** yêu cầu được nuôi con chung và có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu. Mặc dù cháu **B** có nguyện vọng được ở với anh **T1**, tuy nhiên hiện nay anh **T1** đang phải đi chấp hành án nên không có điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng cháu **B** nên cần căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao con chung là cháu **Nguyễn Gia B**, sinh ngày 15/02/2016 và cháu **Nguyễn Tú L**, sinh ngày 28/6/2019 cho chị **T** có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị **T** không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Anh **T1**, chị **T** xác định về tài sản chung vợ chồng anh chị không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Anh **T1**, chị **T** xác định vợ chồng anh chị không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Buộc chị **Nguyễn Thị Quỳnh T** phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 53; khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn ly hôn của chị **Nguyễn Thị Quỳnh T**, xử cho chị **Nguyễn Thị Quỳnh T** và anh **Nguyễn Quang T1** được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu **Nguyễn Gia B**, sinh ngày 15/02/2016 và cháu **Nguyễn Tú L**, sinh ngày 28/6/2019 cho chị **Nguyễn Thị Quỳnh T** có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh **T1** không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; Quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Chị **Nguyễn Thị Quỳnh T** phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị **T** đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0004516 ngày 12 tháng 3 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, chị **T** đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (20/6/2024) nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc

bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- **Cơ quan đăng ký kết hôn;**
- Lưu AV - HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hữu Dũng